

## 「教えて！海外のこと ベトナムってどんなところ？」

ベトナムをもっと知ることができる本を集めました。

※タイトルに★がある本はベトナムのフエ省(しょう)総合図書館(そうごうとしょかん)からおくられた本です。

※タイトルに☆がある本は、貸出することができません。研究書庫の本は、大人の人と一緒にごらんください。

## ベトナムの文化

| No. | タイトル                                               | 著者名                     | 出版者名                | 分類     |    | 所蔵場所 |
|-----|----------------------------------------------------|-------------------------|---------------------|--------|----|------|
| 1   | 現地取材！世界のくらし 9 ベトナム                                 | 小原 佐和子／文・写真<br>古田 元夫／監修 | ポプラ社                | J29    | ゲ  | 児童1階 |
| 2   | ポプラディアプラス世界の国々 1<br>アジア州                           |                         | ポプラ社                | J29    | ポ  | 児童1階 |
| 3   | Huế - Thành Phố Di Sản Thế Giới[フォトブック フエ-世界遺産都市]★ | Đào Hoa Nữ              | Nhà xuất bản Trẻ    | 292.31 | DA | 海外情報 |
| 4   | 聞いてみました！日本にくらす外国人 1                                | 佐藤 郡衛／監修                | ポプラ社                | J33    | キ  | 海外教育 |
| 5   | Toán V1[ベトナム小学校教科書 数学<br>3年] ☆                     | Giáo Dục Việt Nam       |                     | 375.9  | TO | 海外教育 |
| 6   | 世界のお祭り                                             | 竹永 絵里／画                 | 河出書房新社              | J38    | セ  | 児童1階 |
| 7   | スイーツで地理学 1 アジア・オセアニア                               | ERIKO／著                 | くもん出版               | J38    | エ  | 児童1階 |
| 8   | しらべよう!世界の料理 2                                      | 青木 ゆり子／監修<br>こどもくらぶ／編・著 | ポプラ社                | J38    | シ  | 児童1階 |
| 9   | Nguyen Thi Phien<br>[フエのおいしい料理]★                   | Nguyen Thi Phien        | Nhà xuất bản Phụ nữ | 569.2  | NG | 海外情報 |

|    |                                     |                                       |              |       |    |      |
|----|-------------------------------------|---------------------------------------|--------------|-------|----|------|
| 10 | Khúc Hương Bình<br>[ベトナム音楽カープエの歌詞]★ | Sở văn hóa và thể thao Thừa Thiên Huế | Thư viện Hóa | 767.5 | KH | 海外情報 |
|----|-------------------------------------|---------------------------------------|--------------|-------|----|------|

ベトナムのむかしばなし

| No. | タイトル                        | 著者名                   | 出版者名     | 分類    |   | 所蔵場所 |
|-----|-----------------------------|-----------------------|----------|-------|---|------|
| 11  | 語りおじさんのベトナム民話               | 坂入 政生／編・語り<br>小島 祥子／絵 | 星の環会     | E12   | ア | 児童書庫 |
| 12  | 世界の国ぐに 民話と風土 11             |                       | 学研       | J38   | セ | 児童書庫 |
| 13  | ヴェトナム少数民族の神話 チャム族の口承文芸      | チャンヴェトキーン／編<br>本多 守／訳 | 明石書店     | 388.2 | ベ | 9書庫  |
| 14  | アジアむかしばなし B-2 天のおじさん ☆      |                       | 日本ブックエース | J908  | ア | 研究書庫 |
| 15  | アジアむかしばなし B-4 カラスのくれたしんじゅ ☆ |                       | 日本ブックエース | J908  | ア | 研究書庫 |
| 16  | ベトナムのむかし話 貉竜君と姫姫ほか          | 富田 健次／編訳              | 偕成社      | J908  | セ | 児童書庫 |
| 17  | 子どもに語るアジアの昔話 1              | 松岡 享子／訳               | こぐま社     | J929  | コ | 児童1階 |

ベトナム語にチャレンジ！

| No. | タイトル                              | 著者名                             | 出版者名                  | 分類    |    | 所蔵場所 |
|-----|-----------------------------------|---------------------------------|-----------------------|-------|----|------|
| 18  | [ベトナム語] Gư-Ri Và Gư-Ra<br>[ぐりとぐら] | Rieko Nagakawa,<br>Yuriko Omura | Nhà xuất bản Kim Đồng | E11   | NA | 児童1階 |
| 19  | [ベトナム語] Your name[君の名は。]          | Makoto Shinkai                  | Nhà xuất bản Hồng Đức | 913.6 | SH | 海外情報 |
| 20  | いちばんやさしい使えるベトナム語入門                | 木村 友紀／著                         | 池田書店                  | 829.3 | キ  | 一般1階 |